

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 18- 01- 2024 .

V/v “ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Công Hảo

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít :* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 263/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023; Về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

2. *Bị đơn:* Anh **Đỗ Hoàng P**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Khóm E, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị D** trình bày:

Chị **Trần Thị D** và anh **Đỗ Hoàng P** là vợ, chồng hợp pháp được hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2018, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**. Vợ, chồng chung sống có 01 con chung là **Đỗ Trần An N**, sinh ngày 24/8/2019 hiện con chung đang sống với chị **D**, thời gian đầu mới cưới sống chung rất hạnh phúc, nhưng về sau càng mâu thuẫn nên vợ, chồng đã ly thân từ nhiều

tháng nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và hiện nay không thể hàn gắn vì mâu thuẫn quá trầm trọng. Nay cảm thấy tình cảm không còn nên chị **D** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh **Đỗ Hoàng P**.

Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung **Đỗ Trần An N**, sinh ngày 24/8/2019 không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị **D** đã nộp cho Tòa án, không cung cấp gì thêm.

Từ khi thụ lý vụ án và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa anh **Đỗ Hoàng P** đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh **P** không tham gia, không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị **D** hoặc yêu cầu gì trong vụ án, tại phiên tòa anh **P** tiếp tục vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại **huyện M, tỉnh Vĩnh Long** nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn **Đỗ Hoàng P** và nguyên đơn **Trần Thị D** được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn chị **Trần Thị D** có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt.

[ 2 ] Về nội dung:

[ 2.1 ] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, chị **D**, anh **P** có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị **D** trình bày do mâu thuẫn nên vợ, chồng đã ly thân nhiều tháng nay, đến nay không đoàn tụ lại là có thật vì anh **P** và chị **D** đã không còn sống chung, nên mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cho chị **D** được ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[ 2.2 ] Về con chung: Chị **D** yêu cầu nuôi con chung **Đỗ Trần An N**, sinh ngày 24/8/2019, là có căn cứ vì hiện nay con chung đang sống với chị **D** nên tiếp tục giao chị **D** nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị **D** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[ 2.3 ] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.



[ 3 ] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 53, 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D cho chị Trần Thị Diễm ly h với anh Đỗ Hoàng P.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Trần An N, sinh ngày 24/8/2019 cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị D nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N<sup>0</sup>0005410, ngày 23/10/2023.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- TAT 01b;
- UBND TT C, 01b;
- Các đương sự 02 bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Huỳnh Công Hảo**

